

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.D1 07405	Nguyễn Thị Thúy An	02/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	701	6.00	4.00	3.25	13.25	13.50	
2	THV.D1 07406	Nguyễn Thế Anh	30/12/91		Huyện Tân Sơn	01	1		4.50	2.75	3.25	10.50	10.50	
3	THV.D1 07408	Thạch Thị Vân Anh	02/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	5.50	2.00	2.50	10.00	10.00	
4	THV.D1 07410	Nguyễn Thị Thu Anh	20/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		5.00	5.00	4.00	14.00	14.00	
5	THV.D1 07411	Lê Tuấn Anh	04/01/90		Huyện Yên Lập	01	1	701	3.00	4.00	2.50	9.50	9.50	
6	THV.D1 07412	Tống Thị Anh	11/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	0.75	3.00	7.75	8.00	
7	THV.D1 07413	Đinh Thị Lan Anh	20/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
8	THV.D1 07414	Lê Tuấn Anh	29/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	2.50	1.50	2.75	6.75	7.00	
9	THV.D1 07415	Nguyễn Hoàng Kim Anh	02/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
10	THV.D1 07416	Phạm Kiều Anh	20/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	3.00	1.25	3.25	7.50	7.50	
11	THV.D1 07419	Mai Thế Anh	03/05/89		Thị xã Phú Thọ	03	1	702	2.50	2.75	2.50	7.75	8.00	
12	THV.D1 07420	Trần Thị Hoàng Anh	31/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.00	3.00	3.00	10.00	10.00	
13	THV.D1 07421	Dương Ngọc Anh	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	2.50	1.75	2.75	7.00	7.00	
14	THV.D1 07422	Kiều Thị Ngọc Anh	16/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.75	1.00	4.50	10.25	10.50	
15	THV.D1 07424	Nguyễn Thị Lan Anh	17/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	7.50	4.50	3.75	15.75	16.00	
16	THV.D1 07426	Lê Hồng Anh	20/09/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	701	2.50	1.75	3.00	7.25	7.50	
17	THV.D1 07427	Dương Thị Kim Anh	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.50	3.25	2.50	9.25	9.50	
18	THV.D1 07428	Nguyễn Thị Lan Anh	03/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	701	5.50	4.75	6.75	17.00	17.00	
19	THV.D1 07430	Nguyễn Thị Lan Anh	15/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.00	3.00	4.50	12.50	12.50	
20	THV.D1 07431	Ngô Thế Anh	10/05/91		Huyện Thanh Ba		1	701	2.50	2.25	3.25	8.00	8.00	
21	THV.D1 07432	Triệu Thị Vân Anh	10/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
22	THV.D1 07433	Nguyễn Thị Lan Anh	10/12/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
23	THV.D1 07434	Dương Thị Vân Anh	26/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.50	1.50	6.50	6.50	
24	THV.D1 07435	Nguyễn Thị Lan Anh	05/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		2.50	1.50	3.25	7.25	7.50	
25	THV.D1 07437	Vì Thị Phương Anh	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	4.00	5.75	3.75	13.50	13.50	
26	THV.D1 07438	Nguyễn Ngọc ánh	01/07/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1		4.00	1.75	2.25	8.00	8.00	
27	THV.D1 07439	Trần Thị Hồng ánh	25/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	3.25	4.00	2.25	9.50	9.50	
28	THV.D1 07440	Vùi Chấn Bền	12/08/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
29	THV.D1 07441	Nguyễn Ngọc Biên	08/06/89		Huyện Yên Lập		1	701	2.00	1.50	3.00	6.50	6.50	
30	THV.D1 07442	Nguyễn Thị Bích	30/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.00	1.00	2.25	7.25	7.50	
31	THV.D1 07443	Lê Thị Ngọc Bích	20/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	
32	THV.D1 07444	Lê Thị Bích	10/07/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	2.50	1.25	2.25	6.00	6.00	
33	THV.D1 07445	Nguyễn Thị Bình	16/11/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	6.00	2.00	4.50	12.50	12.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.D1 07447	Lê Thị Hồng	Chang	10/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
35	THV.D1 07448	Đình Thị Hương	Chà	16/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	4.00	1.50	3.75	9.25	9.50	
36	THV.D1 07454	Hoàng Thị Tuyết	Chinh	27/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
37	THV.D1 07456	Nguyễn Thị Ngọc	Chinh	14/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	2.50	1.00	3.25	6.75	7.00	
38	THV.D1 07457	Hà Thị	Chiều	10/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	3.00	1.25	2.25	6.50	6.50	
39	THV.D1 07458	Nguyễn Văn	Chung	19/03/91		TP. Việt Trì		2		1.50	0.25	2.00	3.75	4.00	
40	THV.D1 07459	Nguyễn Thị	Chung	21/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	701	3.00	1.50	3.25	7.75	8.00	
41	THV.D1 07460	Vũ Kim	Chung	10/07/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	1.50	1.00	6.00	8.50	8.50	
42	THV.D1 07461	Tạ Thị	Chuyên	08/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	701	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
43	THV.D1 07462	Nguyễn Thị Thu	Cúc	17/03/91	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	702	3.00	2.50	2.50	8.00	8.00	
44	THV.D1 07463	Nguyễn Quốc	Cường	23/09/90		Thị xã Phú Thọ		2	701	2.00	1.00	2.50	5.50	5.50	
45	THV.D1 07464	Hoàng Thị	Dinh	20/11/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	701	3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
46	THV.D1 07465	Lù Thị	Dinh	06/06/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		5.00	1.25	3.00	9.25	9.50	
47	THV.D1 07467	Lương Thị Hồng	Doanh	11/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	5.50	3.25	3.50	12.25	12.50	
48	THV.D1 07469	Vì Thị	Dung	12/06/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.50	1.50	2.00	8.00	8.00	
49	THV.D1 07470	Đình Phương	Dung	31/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.50	1.25	3.25	8.00	8.00	
50	THV.D1 07471	Hoàng Thị	Dung	12/11/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		4.00	0.25	1.75	6.00	6.00	
51	THV.D1 07474	Dương Thị Kim	Dung	21/03/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	4.00	0.75	4.50	9.25	9.50	
52	THV.D1 07476	Nguyễn Thị Kim	Dung	04/09/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	701	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50	
53	THV.D1 07478	Nguyễn Phương	Dung	01/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		3.00	1.25	2.75	7.00	7.00	
54	THV.D1 07479	Hà Thị	Dung	23/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
55	THV.D1 07480	Đoàn Thị Thanh	Dung	26/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		5.00	1.75	2.00	8.75	9.00	
56	THV.D1 07481	Đỗ Thuỳ	Dung	16/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	0.25	2.00	6.75	7.00	
57	THV.D1 07482	Lê Thị	Dung	25/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	6.00	4.25	3.75	14.00	14.00	
58	THV.D1 07483	Lê Thị Kim	Dung	20/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	6.00	1.50	4.75	12.25	12.50	
59	THV.D1 07484	Thạch Quốc	Duy	01/06/91		Huyện Lâm Thao		2NT		6.00	1.25	3.00	10.25	10.50	
60	THV.D1 07488	Nguyễn Xuân	Duy	26/09/90		TP. Việt Trì		2	701	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
61	THV.D1 07491	Bùi Thị	Duyên	12/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		5.50	2.75	3.50	11.75	12.00	
62	THV.D1 07492	Trần Thị Kim	Duyên	03/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	6.50	2.00	3.50	12.00	12.00	
63	THV.D1 07493	Tống Việt	Dũng	29/10/91		TP. Việt Trì		2	701	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
64	THV.D1 07494	Nguyễn Trung	Dũng	02/11/91		Huyện Bát Xát		1	702	5.00	2.00	2.75	9.75	10.00	
65	THV.D1 07496	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	05/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	2.50	3.25	3.25	9.00	9.00	
66	THV.D1 07499	Vũ Thị Thuỳ	Dương	21/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		6.50	4.25	4.50	15.25	15.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.D1 07500	Hoàng Thị	Dương	02/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	701	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50	
68	THV.D1 07501	Ma Thị	Dừa	01/04/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	701	3.50	0.50	1.75	5.75	6.00	
69	THV.D1 07502	Đình Thị	Dự	22/04/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	4.50	1.00	2.75	8.25	8.50	
70	THV.D1 07503	Cao Thị Hà	Đào	25/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	5.50	1.25	2.25	9.00	9.00	
71	THV.D1 07504	Nghiêm Thị	Đào	10/05/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	3.00	1.50	2.75	7.25	7.50	
72	THV.D1 07505	Lê Xuân	Đạt	10/12/90		Huyện Phú Ninh		1	701	4.00	2.50	2.75	9.25	9.50	
73	THV.D1 07507	Tho Thị	Điển	07/01/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	0.50	1.75	5.25	5.50	
74	THV.D1 07508	Nguyễn Thị	Điệp	04/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	3.50	1.25	3.00	7.75	8.00	
75	THV.D1 07509	Hà Thị Hồng	Điệp	18/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	6.00	1.75	3.50	11.25	11.50	
76	THV.D1 07510	Nguyễn Thị Bích	Điệp	23/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	701	4.00	7.75	3.25	15.00	15.00	
77	THV.D1 07511	Nguyễn Công	Định	29/11/91		Thành phố Lào Cai	01	1	701	5.00	1.00	3.25	9.25	9.50	
78	THV.D1 07512	Trần Tiến	Độ	14/10/90		Thị xã Phú Thọ		2	701	6.00	2.50	5.00	13.50	13.50	
79	THV.D1 07513	Nguyễn Thị	Đợi	17/01/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		2.00	0.25	1.75	4.00	4.00	
80	THV.D1 07514	Lữ Thị Thu	Gấm	10/09/90	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	701	3.50	0.75	3.00	7.25	7.50	
81	THV.D1 07515	Đặng Thị	Ghén	25/03/89	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
82	THV.D1 07516	Phùng Thị Thuỳ	Giang	30/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.50	5.50	2.75	13.75	14.00	
83	THV.D1 07517	Cam Minh	Giang	06/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	6.00	6.25	4.75	17.00	17.00	
84	THV.D1 07518	Ngô Thị Lê	Giang	06/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	5.50	3.25	3.75	12.50	12.50	
85	THV.D1 07519	Lê Thu	Giang	01/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	702	6.00	1.75	2.50	10.25	10.50	
86	THV.D1 07521	Đỗ Thị Hương	Giang	19/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		6.00	1.75	2.50	10.25	10.50	
87	THV.D1 07522	Phạm Thị Thu	Giang	30/09/89	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.00	2.25	2.75	10.00	10.00	
88	THV.D1 07524	Dương Thị Hương	Giang	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	3.50	0.50	2.75	6.75	7.00	
89	THV.D1 07525	Nguyễn Thị	Giang	12/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	701	4.25	1.75	3.50	9.50	9.50	
90	THV.D1 07527	Vũ Thị	Hà	01/02/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	701	4.50	3.00	4.25	11.75	12.00	
91	THV.D1 07528	Nguyễn Thị	Hà	18/11/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		2.50	1.50	1.50	5.50	5.50	
92	THV.D1 07530	Đào Thị Ngọc	Hà	07/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	702	3.00	7.75	2.25	13.00	13.00	
93	THV.D1 07531	Tống Thị Thu	Hà	10/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.00	2.00	2.75	7.75	8.00	
94	THV.D1 07532	Hán Thu	Hà	18/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	6.50	3.25	5.00	14.75	15.00	
95	THV.D1 07533	Hà Thị Thu	Hà	05/01/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	701	4.50	2.25	2.50	9.25	9.50	
96	THV.D1 07534	Nguyễn Việt	Hà	16/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2NT	701	5.00	0.75	3.25	9.00	9.00	
97	THV.D1 07535	Nguyễn Thị	Hà	03/08/89	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.50	1.25	1.75	6.50	6.50	
98	THV.D1 07536	Đỗ Thị	Hà	22/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	4.50	3.25	3.75	11.50	11.50	
99	THV.D1 07537	Tạ Thị Thu	Hà	01/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	702	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.D1 07538	Nguyễn Thu Hà	27/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.00	1.50	2.75	8.25	8.50	
101	THV.D1 07539	Trần Thị Ngọc Hà	10/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.50	2.75	4.75	13.00	13.00	
102	THV.D1 07540	Vũ Việt Hà	29/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	5.00	1.75	2.25	9.00	9.00	
103	THV.D1 07541	Đình Thị Thu Hà	16/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	701	4.00	1.50	2.25	7.75	8.00	
104	THV.D1 07542	Hoàng Thị Hà	01/01/90	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	701	3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
105	THV.D1 07543	Lê Thanh Hà	16/06/91		Huyện Bình Xuyên		2	701	4.00	3.25	3.00	10.25	10.50	
106	THV.D1 07544	Hạ Thị Thu Hà	14/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	1.50	1.25	3.25	6.00	6.00	
107	THV.D1 07549	Phan Minh Hải	25/09/91		Huyện Sơn Dương		1	701	1.50	0.25	3.00	4.75	5.00	
108	THV.D1 07550	Vi Thanh Hải	04/09/87	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	6.50	1.25	3.50	11.25	11.50	
109	THV.D1 07551	Phan Văn Hải	27/07/91		Huyện Cẩm Khê		1	701	4.00	5.25	3.25	12.50	12.50	
110	THV.D1 07552	Hà Việt Hải	12/12/90		Thị xã Phú Thọ		2		2.00	1.00	1.75	4.75	5.00	
111	THV.D1 07553	Hà Minh Hải	16/03/91		Huyện Lập Thạch		2NT	702	4.50	4.25	2.75	11.50	11.50	
112	THV.D1 07554	Nguyễn Thị Hải	15/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	4.50	1.00	2.25	7.75	8.00	
113	THV.D1 07555	Hà Mạnh Hải	07/04/91		TP. Việt Trì		2	701	3.50	2.00	3.00	8.50	8.50	
114	THV.D1 07556	Phùng Mạnh Hải	22/07/89		Huyện Cẩm Khê		2NT	702	2.00	1.75	3.25	7.00	7.00	
115	THV.D1 07557	Hà Cẩm Hạnh	25/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		2.50	1.25	2.50	6.25	6.50	
116	THV.D1 07558	Nguyễn Thị Hạnh	01/08/89	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	701	3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	
117	THV.D1 07559	Vũ Thị Hồng Hạnh	08/08/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	3.00	0.25	2.50	5.75	6.00	
118	THV.D1 07560	Lục Thị Thu Hạnh	25/12/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.00	1.00	1.50	4.50	4.50	
119	THV.D1 07561	Phúc Thị Bích Hạnh	19/06/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		2.50	1.25	2.25	6.00	6.00	
120	THV.D1 07562	Tô Mỹ Hạnh	27/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.50	1.25	2.75	5.50	5.50	
121	THV.D1 07563	Nguyễn Hồng Hạnh	17/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		4.50	3.50	4.25	12.25	12.50	
122	THV.D1 07565	Lê Thị Bích Hạnh	10/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	3.50	2.00	3.75	9.25	9.50	
123	THV.D1 07566	Nguyễn Thị Thuý Hạnh	28/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	4.00	1.25	2.75	8.00	8.00	
124	THV.D1 07569	Vũ Xuân Hậu	06/06/88		Huyện Bắc Quang		1		2.50	1.00	2.00	5.50	5.50	
125	THV.D1 07570	Tôn Thị Hằng	18/09/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1		2.00	1.25	2.25	5.50	5.50	
126	THV.D1 07571	Nguyễn Thị Hằng	25/06/90	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		3.50	1.50	1.75	6.75	7.00	
127	THV.D1 07573	Hà Thị Hằng	25/03/90	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	701	2.50	1.50	2.75	6.75	7.00	
128	THV.D1 07574	Triệu Thị Hằng	16/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.00	0.00	2.50	5.50	5.50	
129	THV.D1 07575	Đỗ Thị Hằng	04/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	5.00	1.25	3.50	9.75	10.00	
130	THV.D1 07578	Nguyễn Thị Hằng	26/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	5.00	2.25	3.00	10.25	10.50	
131	THV.D1 07580	Đỗ Thị Thu Hằng	30/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
132	THV.D1 07581	Nguyễn Thị Hằng	26/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		7.00	3.25	4.00	14.25	14.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.D1 07586	Tống Thị	Hiên	27/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	4.00	1.75	2.50	8.25	8.50	
134	THV.D1 07587	Đình Công	Hiếu	01/04/91		Thị xã Phú Thọ		2	701	2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
135	THV.D1 07588	Lê Thị	Hiếu	20/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	702	4.00	3.50	2.75	10.25	10.50	
136	THV.D1 07589	Dương Thị	Hiên	27/10/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	06	1	701	4.50	1.75	3.00	9.25	9.50	
137	THV.D1 07590	Nguyễn Thị	Hiên	20/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	701	3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
138	THV.D1 07592	Đình Thị	Hiên	21/02/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	701	3.50	3.00	3.50	10.00	10.00	
139	THV.D1 07593	Nguyễn Thị	Hiên	12/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	702	5.50	1.25	3.00	9.75	10.00	
140	THV.D1 07594	Thiếu Thị Thu	Hiên	17/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		6.00	4.00	3.00	13.00	13.00	
141	THV.D1 07596	Nguyễn Thị Thu	Hiên	16/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	6.00	1.25	4.50	11.75	12.00	
142	THV.D1 07597	Trần Thị Thu	Hiên	07/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	4.00	0.00	2.50	6.50	6.50	
143	THV.D1 07598	Đình Thị Thu	Hiên	10/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	4.00	1.25	4.00	9.25	9.50	
144	THV.D1 07599	Lê Thị	Hiên	27/01/91	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT		3.00	1.25	2.00	6.25	6.50	
145	THV.D1 07600	Hoàng Thị	Hiên	23/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	701	4.50	1.50	2.50	8.50	8.50	
146	THV.D1 07601	Khổng Thị	Hiên	16/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.50	1.75	2.50	8.75	9.00	
147	THV.D1 07602	Cao Thị Thanh	Hiên	12/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		5.00	5.00	3.00	13.00	13.00	
148	THV.D1 07603	Nguyễn Thị	Hoa	20/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	5.50	3.50	3.00	12.00	12.00	
149	THV.D1 07604	Triệu Thị Thanh	Hoa	25/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	5.50	7.00	2.75	15.25	15.50	
150	THV.D1 07605	Cấn Thị Như	Hoa	11/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	4.50	1.50	2.75	8.75	9.00	
151	THV.D1 07606	Nguyễn Thị Kim	Hoa	18/07/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
152	THV.D1 07607	Hoàng Thị Như	Hoa	13/05/89	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	701	5.50	1.25	2.75	9.50	9.50	
153	THV.D1 07609	Ngô Thị	Hoa	23/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	701	4.00	1.50	2.00	7.50	7.50	
154	THV.D1 07610	Nguyễn Thị	Hoa	27/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	7.00	4.25	4.75	16.00	16.00	
155	THV.D1 07611	Trần Thị	Hoa	25/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	701	3.00	2.50	2.75	8.25	8.50	
156	THV.D1 07612	Trần Thị	Hoa	06/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	701	5.00	1.50	3.00	9.50	9.50	
157	THV.D1 07613	Giàng Sử	Hoá	04/11/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	702	4.00	1.50	2.25	7.75	8.00	
158	THV.D1 07615	Hoàng Thị	Hoà	02/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	5.00	1.00	2.75	8.75	9.00	
159	THV.D1 07616	Trần Thanh	Hoà	20/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.00	6.25	5.25	16.50	16.50	
160	THV.D1 07619	Vũ Thị Thuý	Hoà	03/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	701	5.50	2.25	3.50	11.25	11.50	
161	THV.D1 07620	Lê Việt	Hoà	29/06/91		Huyện Lâm Thao	06	2NT	701	4.00	5.25	2.25	11.50	11.50	
162	THV.D1 07621	Kim Thị	Hoà	11/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	701	4.00	0.50	2.50	7.00	7.00	
163	THV.D1 07622	Trần Thị Bích	Hoà	05/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		4.50	2.25	2.50	9.25	9.50	
164	THV.D1 07624	Hoàng Thị	Hoàn	01/08/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		6.00	5.00	1.75	12.75	13.00	
165	THV.D1 07626	Hà Thị	Hoàn	28/02/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	4.50	1.75	3.00	9.25	9.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.D1 07627	Nguyễn Đức	Hoàng	07/08/91		Thị xã Phú Thọ	06	1	701	3.50	2.75	2.25	8.50	8.50	
167	THV.D1 07629	Lù Thị	Hồng	17/09/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	701	2.00	1.00	2.50	5.50	5.50	
168	THV.D1 07630	Nguyễn Thị	Hồng	26/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.00	1.25	3.75	11.00	11.00	
169	THV.D1 07632	Nguyễn Thị	Hồng	22/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	6.50	1.25	3.25	11.00	11.00	
170	THV.D1 07633	Hà Thị Thuý	Hồng	10/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.00	1.00	2.75	7.75	8.00	
171	THV.D1 07634	Hứa Thị	Hồng	13/11/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1		2.50	1.25	2.50	6.25	6.50	
172	THV.D1 07635	Đình Thị	Hồng	09/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	6.50	5.00	5.00	16.50	16.50	
173	THV.D1 07636	Phan Thị Thanh	Hồng	25/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.50	1.50	3.25	9.25	9.50	
174	THV.D1 07637	Nguyễn Thị ánh	Hồng	15/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
175	THV.D1 07638	Nguyễn Thị	Hồng	11/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	701	5.00	1.25	2.50	8.75	9.00	
176	THV.D1 07643	Trần Minh	Huân	26/03/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2		3.50	0.50	2.25	6.25	6.50	
177	THV.D1 07644	Lê Thị	Huế	20/12/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		1.50	0.50	2.75	4.75	5.00	
178	THV.D1 07645	Ngô Thị	Huế	29/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		7.00	2.50	2.75	12.25	12.50	
179	THV.D1 07646	Hoàng Thị	Huệ	18/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	702	4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
180	THV.D1 07648	Vàng Thị	Huệ	21/11/89	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		3.00	1.50	4.00	8.50	8.50	
181	THV.D1 07650	Lê Thị	Huệ	07/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	5.50	2.25	3.00	10.75	11.00	
182	THV.D1 07651	Đào Thị	Huệ	17/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	5.00	4.00	2.75	11.75	12.00	
183	THV.D1 07653	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.50	1.50	2.25	6.25	6.50	
184	THV.D1 07655	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	5.50	1.50	2.50	9.50	9.50	
185	THV.D1 07657	Vy Thị	Huyền	10/1/91		Huyện Bát Xát	01	1	701	3.00	2.25	5.00	10.25	10.50	
186	THV.D1 07664	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/08/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	6.00	2.75	3.50	12.25	12.50	
187	THV.D1 07665	Lê Thị Thanh	Huyền	25/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	3.50	1.00	2.00	6.50	6.50	
188	THV.D1 07666	Nguyễn Thị	Huyền	09/06/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1		3.50	1.50	2.00	7.00	7.00	
189	THV.D1 07667	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/10/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà	06	1	701	3.50	2.25	3.00	8.75	9.00	
190	THV.D1 07669	Lê Thị Thanh	Huyền	18/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
191	THV.D1 07670	Lê Diệu	Huyền	07/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.50	2.00	2.75	9.25	9.50	
192	THV.D1 07671	Phạm Thị Thu	Huyền	03/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
193	THV.D1 07672	Lê Thị	Huyền	18/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	4.50	3.00	4.50	12.00	12.00	
194	THV.D1 07676	Lê Thị Thu	Huyền	01/09/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	701	3.50	1.25	3.25	8.00	8.00	
195	THV.D1 07678	Phạm Thị	Huyền	15/09/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		2NT	701	4.50	1.50	3.25	9.25	9.50	
196	THV.D1 07679	Nguyễn Thị	Huyền	18/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	701	5.50	2.00	2.75	10.25	10.50	
197	THV.D1 07681	Nguyễn Quang	Hưng	05/02/90		Huyện Thanh Ba		2	701	3.50	5.00	3.00	11.50	11.50	
198	THV.D1 07682	Lừu Thị	Hương	23/02/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1		1.50	1.00	1.75	4.25	4.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
199	THV.D1 07684	Trần Thị Mai	Hương	01/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	701	5.50	3.50	4.25	13.25	13.50
200	THV.D1 07685	Trần Thị Thanh	Hương	13/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	2.50	1.00	2.75	6.25	6.50
201	THV.D1 07686	Trần Thị Minh	Hương	09/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		2.50	2.00	2.00	6.50	6.50
202	THV.D1 07688	Hán Thị Thu	Hương	15/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	5.50	5.25	4.00	14.75	15.00
203	THV.D1 07689	Hoàng Thị	Hương	17/06/89	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	701	4.00	1.00	2.75	7.75	8.00
204	THV.D1 07690	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	702	3.00	0.25	3.50	6.75	7.00
205	THV.D1 07691	Đặng Thị	Hương	03/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	6.00	1.50	2.50	10.00	10.00
206	THV.D1 07692	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	701	4.50	1.50	6.25	12.25	12.50
207	THV.D1 07694	Cao Ngọc	Hương	16/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	5.50	1.25	2.75	9.50	9.50
208	THV.D1 07695	Nguyễn Thị Thu	Hương	16/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	701	7.00	2.75	3.75	13.50	13.50
209	THV.D1 07696	Hoàng Thị Kim	Hương	12/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	701	7.50	5.25	4.25	17.00	17.00
210	THV.D1 07697	Cao Thị	Hương	06/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.00	3.75	2.50	11.25	11.50
211	THV.D1 07699	Phạm Thị	Hương	16/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	701	5.00	2.75	7.00	14.75	15.00
212	THV.D1 07700	Trần Thị Lan	Hương	22/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	7.00	3.00	4.00	14.00	14.00
213	THV.D1 07701	Lê Thu	Hương	11/08/88	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	702	5.00	3.25	3.50	11.75	12.00
214	THV.D1 07702	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.50	2.50	4.75	11.75	12.00
215	THV.D1 07703	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	701	3.00	1.25	2.00	6.25	6.50
216	THV.D1 07704	Triệu Thị	Hương	02/07/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	701	5.00	1.50	2.00	8.50	8.50
217	THV.D1 07705	Hà Thị	Hương	23/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		4.00	0.50	2.25	6.75	7.00
218	THV.D1 07706	Bùi Thị Thu	Hương	23/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	4.50	2.50	5.25	12.25	12.50
219	THV.D1 07707	Trần Thị Quế	Hương	28/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	5.00	1.25	2.25	8.50	8.50
220	THV.D1 07708	Chu Thị	Hương	04/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	5.00	1.50	2.50	9.00	9.00
221	THV.D1 07709	Hoàng Thu	Hương	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.00	1.00	3.00	9.00	9.00
222	THV.D1 07710	Nguyễn Xuân	Hương	29/04/90		TP. Việt Trì		2	701	5.00	1.75	3.75	10.50	10.50
223	THV.D1 07711	Nguyễn Thị	Hương	07/10/90	Nữ	Huyện Tam Đảo	06	1	701	5.00	2.00	2.50	9.50	9.50
224	THV.D1 07712	Đương Thị Thu	Hương	06/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		2.00	0.50	2.25	4.75	5.00
225	THV.D1 07713	Hà Thị	Hương	06/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.50	1.50	2.50	8.50	8.50
226	THV.D1 07714	Chu Thị	Hương	24/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.00	3.00	8.50	8.50
227	THV.D1 07715	Nguyễn Thị	Hương	09/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		5.50	1.00	3.75	10.25	10.50
228	THV.D1 07716	Hoàng Thị Thu	Hương	15/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	701	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50
229	THV.D1 07717	Đặng Thị Thu	Hương	04/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	4.00	0.25	3.75	8.00	8.00
230	THV.D1 07719	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	701	5.50	3.75	5.00	14.25	14.50
231	THV.D1 07720	Hà Thị	Hương	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		2.50	2.25	3.00	7.75	8.00

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
232	THV.D1 07722	Hà Thị Thu	Hường	05/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	5.50	2.25	4.25	12.00	12.00	
233	THV.D1 07723	Trung Thị	Hường	24/09/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		6.00	1.50	2.00	9.50	9.50	
234	THV.D1 07725	Trần	Khánh	24/05/90		Huyện Thanh Thủy		1	701	5.00	2.00	3.50	10.50	10.50	
235	THV.D1 07726	Hoàng Đức	Khánh	14/01/89		Huyện Tam Dương		2NT	702	3.00	0.00	2.00	5.00	5.00	
236	THV.D1 07727	Trần Thị	Khánh	29/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		7.00	2.50	3.25	12.75	13.00	
237	THV.D1 07729	Vương Thị	Khuyên	15/06/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	701	4.50	0.25	3.00	7.75	8.00	
238	THV.D1 07730	Vũ Hồng	Kim	23/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		5.00	1.50	1.75	8.25	8.50	
239	THV.D1 07732	Hoàng Đức	Kỳ	22/02/89		Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	1.50	2.00	7.50	7.50	
240	THV.D1 07733	Đặng Hoàng	Lan	27/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	8.00	6.00	5.50	19.50	19.50	
241	THV.D1 07736	Hoàng Thị	Lan	26/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.50	1.00	2.00	8.50	8.50	
242	THV.D1 07737	Lê Thị Phương	Lan	15/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	7.00	2.50	4.25	13.75	14.00	
243	THV.D1 07738	Trần Thị	Lan	30/07/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	701	4.50	1.75	1.75	8.00	8.00	
244	THV.D1 07739	Phan Thị	Lan	15/06/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	702	4.00	3.75	2.00	9.75	10.00	
245	THV.D1 07741	Hoàng Thị	Lanh	22/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	6.00	1.50	3.50	11.00	11.00	
246	THV.D1 07743	Lê Ngọc	Lâm	16/07/91		TP. Việt Trì		2		3.00	1.00	2.25	6.25	6.50	
247	THV.D1 07744	Trần Thị	Lâm	24/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.00	6.00	4.75	16.75	17.00	
248	THV.D1 07745	Trần Thị Ngọc	Lâm	09/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		7.50	1.50	4.75	13.75	14.00	
249	THV.D1 07747	Nguyễn Thị	Lệ	12/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT		3.00	1.25	2.25	6.50	6.50	
250	THV.D1 07748	Trần Thị Kim	Lệ	15/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.50	3.00	1.75	9.25	9.50	
251	THV.D1 07749	Trương Thị Mỹ	Lệ	21/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.50	0.75	2.50	7.75	8.00	
252	THV.D1 07750	Hoàng Bích	Lệ	14/11/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		2.50	0.25	2.50	5.25	5.50	
253	THV.D1 07751	Nguyễn Thị	Lịch	02/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	701	5.00	2.50	3.25	10.75	11.00	
254	THV.D1 07753	Nguyễn Thị Mai	Liên	27/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	701	3.50	2.00	3.00	8.50	8.50	
255	THV.D1 07754	Nguyễn Thị	Liên	03/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT		6.00	1.25	2.50	9.75	10.00	
256	THV.D1 07755	Lê Thị Bích	Liên	06/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	5.50	1.75	2.50	9.75	10.00	
257	THV.D1 07756	Phạm Thị Hồng	Liên	07/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	6.00	6.50	4.75	17.25	17.50	
258	THV.D1 07757	Nguyễn Thị	Linh	12/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	701	4.00	1.25	2.75	8.00	8.00	
259	THV.D1 07758	Nguyễn Mạnh	Linh	20/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	701	6.00	2.25	3.25	11.50	11.50	
260	THV.D1 07759	Hoàng Thị	Linh	19/05/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	701	5.50	1.25	3.25	10.00	10.00	
261	THV.D1 07760	Triệu Thị Thuỳ	Linh	25/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	4.00	1.25	2.75	8.00	8.00	
262	THV.D1 07761	Ngô Thị Thuỳ	Linh	08/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	5.00	2.00	2.75	9.75	10.00	
263	THV.D1 07762	Trần Khánh	Linh	19/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	5.50	1.75	3.75	11.00	11.00	
264	THV.D1 07765	Đỗ Thị	Linh	12/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.50	6.75	3.00	15.25	15.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
265	THV.D1 07766	Đào Thuỳ	Linh	01/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	6.00	1.50	2.50	10.00	10.00	
266	THV.D1 07767	Nguyễn Tuấn	Linh	24/01/91		Thị xã Phú Thọ		2		3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	
267	THV.D1 07768	Cao Thị Thuỳ	Linh	21/03/90	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	701	4.50	2.75	4.50	11.75	12.00	
268	THV.D1 07769	Dương Thị Thùy	Linh	23/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.50	1.50	4.00	11.00	11.00	
269	THV.D1 07770	Đỗ Thị Diệu	Linh	26/09/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	701	6.00	1.75	2.75	10.50	10.50	
270	THV.D1 07771	Phạm Hồng	Linh	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		4.00	1.50	3.25	8.75	9.00	
271	THV.D1 07772	Nguyễn Thị Hoài	Linh	10/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	701	6.50	1.25	3.00	10.75	11.00	
272	THV.D1 07773	Nguyễn Mỹ	Linh	22/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	6.50	3.50	2.25	12.25	12.50	
273	THV.D1 07775	Triệu Thị	Loan	07/10/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	1.25	2.25	6.50	6.50	
274	THV.D1 07776	Vũ Thanh	Loan	20/11/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1		3.50	1.50	2.25	7.25	7.50	
275	THV.D1 07778	Hà Thị Thanh	Loan	18/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	1	701	7.50	5.00	3.75	16.25	16.50	
276	THV.D1 07781	Tạ Thị	Loan	19/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		5.00	1.25	2.50	8.75	9.00	
277	THV.D1 07782	Lưu Thị	Loan	20/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	7.50	2.75	3.00	13.25	13.50	
278	THV.D1 07783	Phan Thị	Loan	01/08/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	701	6.50	2.50	4.50	13.50	13.50	
279	THV.D1 07784	Đỗ Thị Thu	Loan	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.50	3.75	2.50	11.75	12.00	
280	THV.D1 07786	Nguyễn Thị Thanh	Loan	11/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	5.50	2.75	3.25	11.50	11.50	
281	THV.D1 07787	Nguyễn Tiến	Long	06/12/91		Huyện Phù Ninh		1	701	3.00	0.50	1.75	5.25	5.50	
282	THV.D1 07788	Phùng Văn	Long	01/08/90		Huyện Văn Bàn	01	1		3.50	0.50	1.75	5.75	6.00	
283	THV.D1 07789	Hoàng Thị	Lợi	25/04/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		2.00	0.25	1.75	4.00	4.00	
284	THV.D1 07790	Nguyễn Thị	Luận	06/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	702	7.00	6.25	2.50	15.75	16.00	
285	THV.D1 07791	Nguyễn Thị	Luật	04/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	3.00	4.25	4.00	11.25	11.50	
286	THV.D1 07792	Nguyễn Thị	Luyến	22/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.50	1.75	2.25	10.50	10.50	
287	THV.D1 07793	Bùi Thị	Luyến	28/09/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2NT	701	4.00	1.25	3.25	8.50	8.50	
288	THV.D1 07794	Lê Thị	Luyến	15/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	702	6.50	1.75	3.00	11.25	11.50	
289	THV.D1 07795	Nguyễn Thị	Lương	19/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	8.00	1.50	3.25	12.75	13.00	
290	THV.D1 07796	Đinh Thị Ngọc	Lương	05/10/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	702	3.00	1.00	3.00	7.00	7.00	
291	THV.D1 07797	Trần Thị Khánh	Ly	25/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.50	3.25	4.75	12.50	12.50	
292	THV.D1 07798	Phan Thị Hồng	Ly	18/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
293	THV.D1 07802	Hà Như	Mai	27/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	702	4.00	2.25	2.75	9.00	9.00	
294	THV.D1 07803	Đỗ Thị	Mai	12/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	6.50	0.25	6.25	13.00	13.00	
295	THV.D1 07804	Nguyễn Hương	Mai	03/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	4.00	3.00	3.00	10.00	10.00	
296	THV.D1 07805	Tạ Thị Quỳnh	Mai	11/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	5.00	2.00	3.75	10.75	11.00	
297	THV.D1 07806	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	28/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	702	6.00	3.50	3.50	13.00	13.00	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
298	THV.D1 07807	Bùi Thị	Mai	04/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		5.50	2.00	2.25	9.75	10.00	
299	THV.D1 07808	Lê Thị	Mai	31/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.50	6.00	3.25	14.75	15.00	
300	THV.D1 07810	Nguyễn Thị	Mai	20/12/91	Nữ	Huyện Trần Yên		1	701	2.50	0.75	2.50	5.75	6.00	
301	THV.D1 07811	Nguyễn Tiến	Mạnh	16/01/91		Huyện Cẩm Khê		2NT		4.00	4.00	2.50	10.50	10.50	
302	THV.D1 07812	Triệu Thị Hồng	Mận	21/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	702	5.50	3.75	2.50	11.75	12.00	
303	THV.D1 07814	Hà Hoàng	Mi	15/08/89		Huyện Yên Lập	01	1	701	3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
304	THV.D1 07815	Nguyễn Thị	Minh	02/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.50	3.25	3.50	11.25	11.50	
305	THV.D1 07818	Kim Thị	Mùi	02/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	701	3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	
306	THV.D1 07820	Đình Công	Mùi	23/10/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	701	2.00	1.50	1.00	4.50	4.50	
307	THV.D1 07821	Lê Thị	Mừng	12/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	702	4.50	1.25	3.25	9.00	9.00	
308	THV.D1 07822	Triệu Trà	My	01/10/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	1	702	6.00	1.25	2.50	9.75	10.00	
309	THV.D1 07823	Nguyễn Thị Phú	Mỹ	02/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
310	THV.D1 07824	Hoàng Thị Ngọc	Mỹ	24/05/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	701	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
311	THV.D1 07825	Triệu Tiến	Nam	23/10/91		Huyện Lâm Thao	06	2NT		3.00	0.75	3.00	6.75	7.00	
312	THV.D1 07826	Cao Trọng	Nam	10/11/91		Thị xã Phú Thọ		2	701	3.00	2.75	3.50	9.25	9.50	
313	THV.D1 07829	Triệu Thị	Nga	02/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	
314	THV.D1 07830	Hà Thị Quỳnh	Nga	23/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	2.50	6.25	2.50	11.25	11.50	
315	THV.D1 07831	Nguyễn Thị Thuý	Nga	18/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	6.00	2.00	2.50	10.50	10.50	
316	THV.D1 07833	Phan Thị	Nga	10/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT		3.50	2.25	2.50	8.25	8.50	
317	THV.D1 07834	Hoàng Thị Nguyệt	Nga	18/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.50	3.00	2.50	9.00	9.00	
318	THV.D1 07835	Nguyễn Thị	Nga	07/10/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		2.50	1.25	3.50	7.25	7.50	
319	THV.D1 07836	Hoàng Thị	Nga	13/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	702	6.00	1.50	2.75	10.25	10.50	
320	THV.D1 07838	Trương Thị Thuý	Ngân	20/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.50	4.00	3.25	12.75	13.00	
321	THV.D1 07839	Hà Thị Kim	Ngân	20/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	701	6.50	3.75	4.00	14.25	14.50	
322	THV.D1 07841	Nguyễn Thị	Ngân	16/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	3.50	1.50	3.25	8.25	8.50	
323	THV.D1 07842	Vũ Thị Kim	Ngân	04/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.50	2.50	4.00	11.00	11.00	
324	THV.D1 07843	Ninh Thị Kim	Ngân	20/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	4.50	5.75	3.75	14.00	14.00	
325	THV.D1 07844	Đặng Thị Bích	Ngân	17/05/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	5.00	1.50	3.75	10.25	10.50	
326	THV.D1 07845	Lê Kim	Ngân	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	2	701	5.00	1.25	3.25	9.50	9.50	
327	THV.D1 07846	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	18/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	4.00	1.00	3.75	8.75	9.00	
328	THV.D1 07847	Phùng Văn	Nghiệp	02/02/90		Huyện Tân Sơn	01	1	701	5.00	2.00	3.00	10.00	10.00	
329	THV.D1 07848	Nguyễn Thị	Ngoan	27/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.00	3.50	2.25	11.75	12.00	
330	THV.D1 07849	Cao Thị	Ngọc	02/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	701	3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	THV.D1 07851	Nguyễn Văn	Ngọc	20/02/91		Huyện Phù Ninh		2NT	701	2.50	1.25	2.50	6.25	6.50	
332	THV.D1 07852	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	4.00	1.25	2.00	7.25	7.50	
333	THV.D1 07853	Trần Văn	Ngọc	29/06/89		Huyện Tam Dương		2	702	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
334	THV.D1 07854	Nguyễn Thị	Ngọc	27/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		1.50	1.25	2.25	5.00	5.00	
335	THV.D1 07856	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	02/08/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	701	2.00	1.00	2.25	5.25	5.50	
336	THV.D1 07858	Sĩ Thị	Nguyệt	03/09/89	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		1.50	0.75	1.75	4.00	4.00	
337	THV.D1 07859	Phạm Thị	Nguyệt	20/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	0.25	2.25	6.00	6.00	
338	THV.D1 07860	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	5.00	4.50	3.75	13.25	13.50	
339	THV.D1 07861	Trần Thị ánh	Nguyệt	10/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	3.50	2.00	2.50	8.00	8.00	
340	THV.D1 07862	Bùi Thị ánh	Nguyệt	17/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT		2.50	0.75	2.75	6.00	6.00	
341	THV.D1 07865	Phạm Thị Linh	Nhâm	05/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
342	THV.D1 07867	Nguyễn Thị	Nhung	26/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	702	3.00	1.25	2.75	7.00	7.00	
343	THV.D1 07868	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	13/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	3.00	1.00	2.75	6.75	7.00	
344	THV.D1 07869	Nguyễn Thị Phương	Nhung	23/02/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	3.25	6.50	13.25	13.50	
345	THV.D1 07870	Lê Thị Hồng	Nhung	22/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	5.50	0.75	3.50	9.75	10.00	
346	THV.D1 07871	Đỗ Thị	Nhung	15/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	6.50	5.50	5.75	17.75	18.00	
347	THV.D1 07872	Lưu Thị	Nhung	15/08/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1		2.00	0.75	2.00	4.75	5.00	
348	THV.D1 07873	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	6.00	1.25	3.50	10.75	11.00	
349	THV.D1 07874	Nguyễn Thị	Nhung	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	5.00	2.50	3.00	10.50	10.50	
350	THV.D1 07875	Vi Thị Hồng	Nhung	20/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	2.50	1.00	2.25	5.75	6.00	
351	THV.D1 07877	Phạm Thị Mỹ	Nhung	27/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
352	THV.D1 07878	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	4.00	2.00	2.75	8.75	9.00	
353	THV.D1 07879	Nguyễn Thị	Nhung	12/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	701	3.00	0.25	3.00	6.25	6.50	
354	THV.D1 07881	Nguyễn Mai	Ninh	05/06/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.00	2.00	2.75	8.75	9.00	
355	THV.D1 07882	Trần Thị Ngọc	Ninh	20/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	1.50	2.25	7.75	8.00	
356	THV.D1 07884	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	13/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	4.00	1.75	3.25	9.00	9.00	
357	THV.D1 07885	Hoàng Thị Bích	Oanh	19/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
358	THV.D1 07886	Trịnh Thị	Oanh	28/07/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	701	4.00	1.25	2.25	7.50	7.50	
359	THV.D1 07888	Phạm Thị	Oanh	04/05/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	701	3.00	1.25	3.75	8.00	8.00	
360	THV.D1 07889	Ngô Thị	Oanh	21/05/90	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	701	2.50	1.00	2.25	5.75	6.00	
361	THV.D1 07890	Nguyễn Thị	Phú	29/09/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	701	3.50	1.50	3.25	8.25	8.50	
362	THV.D1 07891	Lê Thị Hoa	Phúc	20/10/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	6.50	2.50	5.25	14.25	14.50	
363	THV.D1 07892	Phạm Thị Thu	Phương	24/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	2.50	1.75	3.50	7.75	8.00	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
364	THV.D1 07893	Nguyễn Thị Liên	Phượng	30/09/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	04	1	702	3.50	2.00	2.75	8.25	8.50
365	THV.D1 07894	Phùng Thị Bích	Phượng	09/11/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50
366	THV.D1 07897	Hoàng Thị Bích	Phượng	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	5.50	3.75	4.00	13.25	13.50
367	THV.D1 07898	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	04/11/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2NT	701	5.50	1.50	2.00	9.00	9.00
368	THV.D1 07899	Đình Thị	Phượng	20/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	4.50	1.75	2.50	8.75	9.00
369	THV.D1 07900	Lê Thị	Phượng	05/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	5.00	2.50	4.00	11.50	11.50
370	THV.D1 07901	Trần Thị Bích	Phượng	07/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	4.50	3.00	3.75	11.25	11.50
371	THV.D1 07902	Ngô Ngọc	Phượng	15/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	4.50	2.50	3.50	10.50	10.50
372	THV.D1 07903	Ngô Thị Hồng	Phượng	18/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	701	4.50	1.75	1.75	8.00	8.00
373	THV.D1 07904	Mai Bích	Phượng	10/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	1.25	3.50	8.75	9.00
374	THV.D1 07905	Ngô Minh	Phượng	14/06/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.00	2.50	2.50	9.00	9.00
375	THV.D1 07908	Nguyễn Thị	Phượng	12/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.00	0.50	2.00	5.50	5.50
376	THV.D1 07909	Nguyễn Minh	Quang	18/04/90		TP. Việt Trì		2	701	1.50	3.00	3.25	7.75	8.00
377	THV.D1 07912	Nguyễn Minh	Quân	12/11/90		Huyện Yên Lập	01	1	701	3.00	2.00	2.50	7.50	7.50
378	THV.D1 07913	Phan Thị Nguyệt	Quế	19/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	3.50	2.00	3.75	9.25	9.50
379	THV.D1 07914	Nguyễn Hải	Quyên	12/11/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1		4.50	2.75	5.00	12.25	12.50
380	THV.D1 07915	Khổng Thị	Quyên	29/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.00	1.75	2.75	8.50	8.50
381	THV.D1 07916	Đào Thị	Quyên	19/05/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.00	1.50	2.75	8.25	8.50
382	THV.D1 07918	Đỗ Thị	Quyết	28/09/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	701	2.00	1.25	2.50	5.75	6.00
383	THV.D1 07919	Hà Như	Quyên	25/10/87		Huyện Trấn Yên	01	1	701	1.50	1.25	3.75	6.50	6.50
384	THV.D1 07920	Hán Thị	Quý	02/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	2.50	2.25	3.25	8.00	8.00
385	THV.D1 07921	Nguyễn Thị Kim	Quý	28/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	5.00	2.50	4.00	11.50	11.50
386	THV.D1 07924	Lù Thị Hương	Quỳnh	14/12/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	701	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50
387	THV.D1 07925	Trần Thị Như	Quỳnh	08/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	702	5.50	2.00	2.25	9.75	10.00
388	THV.D1 07926	Hoàng Xuân	Quỳnh	13/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	3.00	1.50	3.25	7.75	8.00
389	THV.D1 07929	Lê Thị Như	Quỳnh	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50
390	THV.D1 07932	Thào Seo	Sáng	02/01/88		Huyện Xi Ma Cai	01	1		3.50	1.25	2.25	7.00	7.00
391	THV.D1 07933	Nguyễn Thị	Sáng	09/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.00	1.00	2.00	6.00	6.00
392	THV.D1 07934	Hoàng Thị	Sim	15/08/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	701	3.50	1.25	2.25	7.00	7.00
393	THV.D1 07935	Trần Thị	Sinh	25/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	702	4.00	1.25	3.25	8.50	8.50
394	THV.D1 07938	Ngô Thái	Sơn	03/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	701	2.50	2.75	3.00	8.25	8.50
395	THV.D1 07940	Lương Văn	Sức	27/09/91		Huyện Bảo Yên	01	1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00
396	THV.D1 07941	Triệu Thị	Tá	16/08/90	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		5.00	0.75	3.00	8.75	9.00

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
397	THV.D1 07942	Hoàng Văn	Tài	17/03/90		Huyện Bắc Quang	01	1	701	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50	
398	THV.D1 07943	Phạm Thị Thanh	Tâm	22/04/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
399	THV.D1 07944	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	24/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		5.00	2.75	4.50	12.25	12.50	
400	THV.D1 07945	Hoàng Thị	Tâm	01/03/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
401	THV.D1 07947	Trần Thanh	Tâm	08/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	701	4.00	1.75	3.00	8.75	9.00	
402	THV.D1 07949	Đỗ Thị Huyền	Tâm	26/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	6.00	1.75	3.75	11.50	11.50	
403	THV.D1 07950	Cao Thị	Tâm	20/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	701	3.50	1.75	2.25	7.50	7.50	
404	THV.D1 07951	Nguyễn Thị Minh	Tâm	17/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	701	6.00	3.25	5.25	14.50	14.50	
405	THV.D1 07952	Trần Thị Thanh	Tâm	06/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.25	1.75	7.50	7.50	
406	THV.D1 07953	Hà Xuân	Tâm	02/09/90		TP. Việt Trì		2	701	4.00	1.50	2.00	7.50	7.50	
407	THV.D1 07954	Nguyễn Thị	Tâm	05/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	4.00	2.75	6.00	12.75	13.00	
408	THV.D1 07955	Trần Thị	Tâm	28/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.00	3.00	8.50	8.50	
409	THV.D1 07956	Nguyễn Thị Phương	Thanh	23/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
410	THV.D1 07957	Nguyễn Thị	Thanh	28/09/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	701	3.50	2.00	2.75	8.25	8.50	
411	THV.D1 07958	Hà Thị	Thanh	21/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	6.00	3.50	4.00	13.50	13.50	
412	THV.D1 07959	Lê Thị Thanh	Thanh	21/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.00	0.25	2.75	7.00	7.00	
413	THV.D1 07960	Nguyễn Thị	Thanh	14/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	5.50	1.75	4.25	11.50	11.50	
414	THV.D1 07961	Nguyễn Thị Thu	Thanh	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	702	5.50	2.50	3.75	11.75	12.00	
415	THV.D1 07964	Lê Văn	Thanh	20/02/89		Huyện Tam Nông		1	701	2.00	1.00	2.00	5.00	5.00	
416	THV.D1 07965	Lê Thị	Thanh	20/03/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	06	1		4.50	0.75	3.50	8.75	9.00	
417	THV.D1 07967	Nguyễn Ngọc	Thanh	10/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.00	1.50	2.00	8.50	8.50	
418	THV.D1 07968	Phạm Thị Mai	Thanh	30/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
419	THV.D1 07969	Nguyễn Thị	Thao	24/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.50	2.00	3.25	10.75	11.00	
420	THV.D1 07970	Nguyễn Thị	Thành	08/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	3.50	1.25	3.00	7.75	8.00	
421	THV.D1 07971	Nguyễn Thanh	Thảo	07/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.00	6.00	2.75	11.75	12.00	
422	THV.D1 07972	Nguyễn Thị	Thảo	30/09/91	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	701	4.00	1.50	3.75	9.25	9.50	
423	THV.D1 07973	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	1.75	3.25	9.00	9.00	
424	THV.D1 07975	Đình Thị	Thảo	18/11/89	Nữ	Huyện Yên Lập		1	701	3.00	1.75	3.50	8.25	8.50	
425	THV.D1 07976	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	4.00	4.50	4.25	12.75	13.00	
426	THV.D1 07977	Nguyễn Hương	Thảo	29/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	5.50	5.50	4.75	15.75	16.00	
427	THV.D1 07978	Phạm Thị Phương	Thảo	20/04/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	701	3.00	0.75	2.25	6.00	6.00	
428	THV.D1 07979	Nguyễn Thị	Thảo	20/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	5.00	1.00	3.00	9.00	9.00	
429	THV.D1 07980	Nguyễn Thu	Thảo	23/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	3.50	1.75	3.50	8.75	9.00	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
430	THV.D1 07981	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	2.50	1.25	2.00	5.75	6.00	
431	THV.D1 07982	Lê Thị Phương Thảo	04/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	4.50	2.00	3.50	10.00	10.00	
432	THV.D1 07983	Nguyễn Thị Thảo	19/07/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	701	5.00	1.50	2.75	9.25	9.50	
433	THV.D1 07984	Dương Thị Thảo	08/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.50	2.25	4.00	11.75	12.00	
434	THV.D1 07986	Nguyễn Thị Thảo	02/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	701	5.00	4.75	2.50	12.25	12.50	
435	THV.D1 07988	Phùng Văn Thập	16/03/90		Huyện Tân Sơn	01	1	701	2.00	2.25	4.00	8.25	8.50	
436	THV.D1 07989	Đặng Thị Thắm	03/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	4.00	1.50	4.50	10.00	10.00	
437	THV.D1 07990	Nguyễn Thị Thắm	09/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
438	THV.D1 07991	Trần Thị Thắm	20/07/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	3.00	1.50	2.75	7.25	7.50	
439	THV.D1 07992	Chu Quyết Thắng	24/10/89		Thị xã Phú Thọ		2	701	4.00	1.25	3.50	8.75	9.00	
440	THV.D1 07995	Đoàn Thị Hồng Thắng	23/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	702	5.00	2.25	3.00	10.25	10.50	
441	THV.D1 07996	Hà Thị Thìn	20/09/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	701	3.50	1.25	2.00	6.75	7.00	
442	THV.D1 07997	Nguyễn Thị Thịnh	24/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.50	1.00	2.25	6.75	7.00	
443	THV.D1 07998	Nguyễn Thị Thịnh	02/09/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	2.50	0.25	2.50	5.25	5.50	
444	THV.D1 07999	Nguyễn Thị Kim Thoa	25/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	5.00	1.25	2.50	8.75	9.00	
445	THV.D1 08000	Nguyễn Thị Kim Thoa	01/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	4.50	2.50	3.00	10.00	10.00	
446	THV.D1 08003	Lương Thị Thơi	25/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	701	4.00	2.75	2.50	9.25	9.50	
447	THV.D1 08004	Nguyễn Thị Thơm	28/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
448	THV.D1 08005	Nguyễn Hồng Thơm	04/12/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	701	4.00	5.50	3.25	12.75	13.00	
449	THV.D1 08006	Nguyễn Thị Ánh Thu	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	3.50	8.50	5.50	17.50	17.50	
450	THV.D1 08008	Phạm Thị Thu	02/01/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	701	3.50	1.75	4.00	9.25	9.50	
451	THV.D1 08009	Nguyễn Thị Thu	10/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.50	3.50	3.00	11.00	11.00	
452	THV.D1 08011	Vi Thị Minh Thu	16/05/90	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	702	2.00	1.00	2.25	5.25	5.50	
453	THV.D1 08013	Trần Thị Hoài Thu	23/09/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	01	1	701	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
454	THV.D1 08014	Vàng Văn Thuyền	13/11/89		Huyện Bắc Hà	01	1		1.50	1.25	3.25	6.00	6.00	
455	THV.D1 08015	Khuông Thị Ngọc Thuý	13/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.00	2.50	3.25	8.75	9.00	
456	THV.D1 08016	Lê Thị Thuý	04/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT		3.00	6.00	3.00	12.00	12.00	
457	THV.D1 08017	Trịnh Thị Thuý	26/02/91	Nữ	Huyện Nam Trực		2		3.50	4.00	2.00	9.50	9.50	
458	THV.D1 08018	Lê Thị Thuý	05/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	5.00	1.50	2.00	8.50	8.50	
459	THV.D1 08019	Nguyễn Thị Thanh Thuý	24/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	4.00	0.75	3.75	8.50	8.50	
460	THV.D1 08021	Trần Thị Thuý	09/03/90	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	1	701	2.00	1.50	3.00	6.50	6.50	
461	THV.D1 08022	Nguyễn Thị Hồng Thuý	25/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
462	THV.D1 08023	Nguyễn Duy Thuý	01/10/89		Huyện Tam Nông		1	701	1.50	1.25	2.75	5.50	5.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
463	THV.D1 08025	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	29/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	6.50	3.50	2.75	12.75	13.00	
464	THV.D1 08027	Ngô Thị	Thuỷ	29/12/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	702	5.00	1.00	3.75	9.75	10.00	
465	THV.D1 08028	Phạm Thị Thu	Thuỷ	08/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	2.50	1.25	3.00	6.75	7.00	
466	THV.D1 08029	Nông Phương	Thuỷ	01/02/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		2.00	0.75	2.00	4.75	5.00	
467	THV.D1 08030	Bùi Thanh	Thuỷ	01/09/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
468	THV.D1 08031	Ma Thu	Thuỷ	25/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.00	5.00	2.75	11.75	12.00	
469	THV.D1 08032	Trần Thu	Thuỷ	25/09/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		6.00	4.25	4.00	14.25	14.50	
470	THV.D1 08034	Ngô Thị Phương	Thuỷ	23/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT		2.50	1.50	3.00	7.00	7.00	
471	THV.D1 08036	Đỗ Thị	Thuỷ	30/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	5.00	3.25	3.25	11.50	11.50	
472	THV.D1 08038	Đình Thị	Thúy	30/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	701	7.00	1.25	4.00	12.25	12.50	
473	THV.D1 08040	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	23/12/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	701	3.50	3.25	4.50	11.25	11.50	
474	THV.D1 08041	Phùng Thị Phương	Thúy	27/07/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	701	5.50	1.25	4.50	11.25	11.50	
475	THV.D1 08043	Trần Thanh	Thúy	03/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		1.50	0.50	3.25	5.25	5.50	
476	THV.D1 08044	Đoàn Thị	Thúy	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	701	5.00	1.00	6.25	12.25	12.50	
477	THV.D1 08046	Trần Thị Thu	Thúy	29/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
478	THV.D1 08049	Nguyễn Thị Bích	Thúy	04/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	702	5.50	2.50	3.25	11.25	11.50	
479	THV.D1 08050	Nguyễn Thị Minh	Thư	29/02/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	5.50	2.00	3.00	10.50	10.50	
480	THV.D1 08051	Bùi Thị	Thư	28/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	702	4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
481	THV.D1 08052	Trần Thị Minh	Thư	28/11/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1		3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
482	THV.D1 08053	Lù Thị	Thương	17/10/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		3.00	1.00	2.25	6.25	6.50	
483	THV.D1 08054	Lục Thị	Thương	09/06/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	701	3.50	1.25	3.00	7.75	8.00	
484	THV.D1 08055	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	12/05/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		3.00	1.00	3.00	7.00	7.00	
485	THV.D1 08056	Hoàng Thị	Thương	19/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	701	3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
486	THV.D1 08057	Nguyễn Thị	Thương	25/05/90	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1		5.50	1.25	3.00	9.75	10.00	
487	THV.D1 08060	Lâm Văn	Tình	02/01/91		Huyện Bắc Hà	01	1		2.00	0.75	3.00	5.75	6.00	
488	THV.D1 08061	Hồ Ngọc	Tình	03/12/91		Huyện Mường Khương	01	1		3.00	1.25	2.25	6.50	6.50	
489	THV.D1 08062	Trịnh Quý	Tình	26/10/90		Huyện Yên Lập	01	1	701	3.00	2.50	3.25	8.75	9.00	
490	THV.D1 08064	Lâm Anh	Toàn	05/08/91		Huyện Thanh Ba		1	701	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50	
491	THV.D1 08065	Ma Văn	Tòng	23/08/90		Huyện Chiêm Hoá	01	1	701	3.00	1.50	1.75	6.25	6.50	
492	THV.D1 08067	Phùng Thị Thu	Trang	18/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	5.00	1.50	3.75	10.25	10.50	
493	THV.D1 08068	Đỗ Huyền	Trang	11/11/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1		4.50	1.50	3.00	9.00	9.00	
494	THV.D1 08069	Vi Thị Thuỳ	Trang	01/12/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	01	1	701	3.50	0.50	2.75	6.75	7.00	
495	THV.D1 08071	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	5.00	4.00	3.50	12.50	12.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
496	THV.D1 08073	Từ Thị Trang	05/10/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	702	5.50	2.50	2.00	10.00	10.00	
497	THV.D1 08074	Nguyễn Thị Huyền	21/07/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		4.00	0.25	2.50	6.75	7.00	
498	THV.D1 08075	Lưu Thu Trang	01/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.50	0.75	2.75	7.00	7.00	
499	THV.D1 08076	Vũ Thị Kiều	18/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	702	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50	
500	THV.D1 08077	Đào Thị Huyền	26/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	701	3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
501	THV.D1 08078	Nguyễn Thị Thanh	27/07/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	702	3.50	1.00	3.25	7.75	8.00	
502	THV.D1 08080	Vũ Thu Trang	11/03/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	3.50	2.00	2.75	8.25	8.50	
503	THV.D1 08081	Chu Thị Kiều	07/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
504	THV.D1 08084	Trần Thị Huyền	28/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	701	4.50	3.25	2.50	10.25	10.50	
505	THV.D1 08085	Lê Thị Trang	12/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	4.00	1.50	2.50	8.00	8.00	
506	THV.D1 08086	Đoàn Thị Hà	15/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		7.50	6.00	2.75	16.25	16.50	
507	THV.D1 08087	Bùi Thị Thu	03/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	
508	THV.D1 08088	Lỗ Thị Trang	10/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	701	4.50	0.50	3.25	8.25	8.50	
509	THV.D1 08089	Tạ Thị Thu	30/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
510	THV.D1 08092	Nguyễn Thị Thu	01/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
511	THV.D1 08093	Nguyễn Thị Thu	31/01/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		2	701	5.50	4.00	6.00	15.50	15.50	
512	THV.D1 08094	Nguyễn Huyền	25/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.00	1.50	3.50	8.00	8.00	
513	THV.D1 08095	Vương Thị Thu	06/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	701	4.50	6.00	2.50	13.00	13.00	
514	THV.D1 08096	Lê Thị Trang	20/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		2.50	1.75	2.75	7.00	7.00	
515	THV.D1 08097	Bùi Thị Trang	22/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	701	3.50	6.00	4.00	13.50	13.50	
516	THV.D1 08100	Nguyễn Thị Huyền	12/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	702	6.00	1.50	2.00	9.50	9.50	
517	THV.D1 08101	Triệu Thị Thu	15/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	701	6.00	1.50	3.75	11.25	11.50	
518	THV.D1 08103	Lê Thị Tuyết	28/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.50	3.50	2.25	10.25	10.50	
519	THV.D1 08105	Nguyễn Quang	01/05/91		Huyện Cẩm Khê		1	701	4.00	3.00	3.50	10.50	10.50	
520	THV.D1 08107	Nguyễn Văn	01/11/89		Huyện Lập Thạch		1	702	4.00	4.75	3.00	11.75	12.00	
521	THV.D1 08108	Đỗ Duy Trường	02/09/91		Huyện Lập Thạch		1		5.00	1.00	2.75	8.75	9.00	
522	THV.D1 08110	Đình Văn Tuấn	30/09/90		Huyện Yên Lập	01	1	701	4.50	2.75	4.25	11.50	11.50	
523	THV.D1 08111	Phan Văn Tuấn	20/08/91		Huyện Thanh Ba		1	701	2.50	0.00	1.75	4.25	4.50	
524	THV.D1 08113	Ngô Bảo Tuấn	14/01/91		Huyện Đoan Hùng		1	701	6.00	2.00	3.00	11.00	11.00	
525	THV.D1 08114	Phùng Thị Tươi	07/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		3.00	1.75	2.25	7.00	7.00	
526	THV.D1 08116	Hoàng Thị Hồng	19/05/89	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		5.00	1.50	2.25	8.75	9.00	
527	THV.D1 08117	Hoàng Thị Kim	16/11/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.50	2.75	2.50	9.75	10.00	
528	THV.D1 08118	Nguyễn Ngọc Tuyết	04/02/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	701	4.00	2.50	3.00	9.50	9.50	

THV D1 Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
529	THV.D1 08119	Triệu Thị	Tuyết	25/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	702	6.00	2.00	2.50	10.50	10.50	
530	THV.D1 08123	Doãn Thanh	Tuyển	21/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		5.50	1.00	2.50	9.00	9.00	
531	THV.D1 08124	Hán Thanh	Tuyển	22/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.00	1.00	2.00	6.00	6.00	
532	THV.D1 08125	Kiều Văn	Tùng	03/12/91		Huyện Thanh Thủy		1		5.00	1.50	3.25	9.75	10.00	
533	THV.D1 08126	Hoàng Xuân	Tùng	20/04/89		Huyện Yên Bình	01	1	701	4.00	1.25	3.25	8.50	8.50	
534	THV.D1 08127	Đặng Mạnh	Tùng	20/08/91		Thị xã Phú Thọ		2		2.50	0.75	2.50	5.75	6.00	
535	THV.D1 08129	Lương Thị	Tư	20/08/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	701	5.50	1.25	2.75	9.50	9.50	
536	THV.D1 08130	Hà Thị	Tươi	24/01/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	702	4.50	0.50	3.50	8.50	8.50	
537	THV.D1 08131	Phạm Tú	Uyên	08/05/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	3.50	1.75	3.25	8.50	8.50	
538	THV.D1 08132	Hoàng Thị	Uyên	17/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	4.50	0.50	1.50	6.50	6.50	
539	THV.D1 08133	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
540	THV.D1 08134	Trần Thị	Vân	20/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	701	4.00	1.50	2.75	8.25	8.50	
541	THV.D1 08136	Vũ Thị	Vân	22/08/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	701	6.00	1.75	4.50	12.25	12.50	
542	THV.D1 08137	Phùng Thị Kim	Vân	03/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	701	4.00	1.50	2.75	8.25	8.50	
543	THV.D1 08138	Nguyễn Hồng	Vân	25/12/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		4.50	0.50	2.25	7.25	7.50	
544	THV.D1 08141	Nguyễn Thị	Vân	22/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		5.50	1.75	3.00	10.25	10.50	
545	THV.D1 08142	Lê Thị Cẩm	Vân	26/06/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1		3.00	1.00	3.25	7.25	7.50	
546	THV.D1 08143	Đỗ Thị Thanh	Vân	22/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	701	5.00	1.50	2.00	8.50	8.50	
547	THV.D1 08146	Hoàng Thị Hà	Vân	17/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	5.50	2.75	3.50	11.75	12.00	
548	THV.D1 08149	Nguyễn Thùy	Vân	27/12/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.50	2.50	2.00	9.00	9.00	
549	THV.D1 08150	Nguyễn Thị Khánh	Vân	02/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	701	5.50	5.00	7.75	18.25	18.50	
550	THV.D1 08154	Nguyễn Thị	Vin	25/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	701	3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
551	THV.D1 08155	Nguyễn Quang	Vinh	17/03/91		TP. Việt Trì		2	701	0.50	0.50	2.25	3.25	3.50	
552	THV.D1 08157	Nguyễn Văn	Vĩnh	05/04/89		Huyện Hạ Hoà	05	1	701	1.00	2.50	2.00	5.50	5.50	
553	THV.D1 08160	Nguyễn Thị Hồng	Xoan	09/04/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	701	4.50	2.50	4.25	11.25	11.50	
554	THV.D1 08161	Nguyễn Thị	Xuân	09/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà	01	1	701	3.50	2.25	3.50	9.25	9.50	
555	THV.D1 08162	Trần Thanh	Xuân	14/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	701	5.50	3.00	3.00	11.50	11.50	
556	THV.D1 08163	Nguyễn Thị Minh	Xuân	12/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	701	4.50	1.50	2.75	8.75	9.00	
557	THV.D1 08164	Đào Văn	Yên	20/02/90		Huyện Tam Đảo		1	701	5.00	6.25	5.00	16.25	16.50	
558	THV.D1 08165	Hà Thị	Yến	22/02/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	701	5.50	1.25	2.25	9.00	9.00	
559	THV.D1 08167	Hà Thị Hải	Yến	29/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	701	6.00	1.75	5.50	13.25	13.50	
560	THV.D1 08168	Trần Thị Hải	Yến	06/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	701	7.00	2.75	3.50	13.25	13.50	
561	THV.D1 08169	Nguyễn Thị Hải	Yến	24/05/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	701	3.50	1.25	3.25	8.00	8.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
562	THV.D1 08173	Hà Hải Yến	25/01/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	701	5.00	3.00	3.25	11.25	11.50	
563	THV.D1 08174	Hà Thu Yến	26/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	702	5.50	2.25	2.50	10.25	10.50	
564	THV.D1 08175	Nguyễn Thị ý	23/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	701	6.50	1.25	5.00	12.75	13.00	
565	THV.D1 08176	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	3.50	3.75	3.25	10.50	10.50	

Danh sách khối D1 gồm: 565 thí sinh

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.D4.08177	Đặng Thị Thùy	Dung	06/05/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	702	4.50	2.25	4.25	11.00	11.00	
2	THV.D4.08179	Lý Thị	Oanh	07/06/90	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	702	4.00	0.25	4.00	8.25	8.50	
3	THV.D4.08180	Nguyễn Thị Thương	Thương	13/08/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	702	3.00	0.00	4.25	7.25	7.50	
4	THV.D4.08181	Phạm Thuý	Trang	04/12/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	702	5.50	1.50	3.00	10.00	10.00	

Danh sách khối D4 gồm: 4 thí sinh